

LỊCH SỬ – VĂN HÓA

PHƯƠNG PHÁP LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRUNG QUỐC

PGS.TS TRẦN LÊ BẢO
Đại học Sư phạm Hà Nội

1. Một số vấn đề về phương pháp và phương pháp luận

1.1 Về phương pháp nghiên cứu văn hóa, cũng có những quan điểm không đồng thuận. Điều này cũng không có gì khác thường, bởi lẽ đối tượng nghiên cứu quá rộng và phức tạp là “văn hóa”. Tuy nhiên đã là một ngành khoa học, nhất định phải xác lập cho được đối tượng, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

Giáo sư Matsuda Kazuo (Đại học Tokyo Nhật Bản) trong bài “Toàn cầu hóa và nghiên cứu văn hóa khu vực” cho rằng: “Không tồn tại một phương pháp luận cụ thể nào mang tính quyết định rằng: Đây chính là nghiên cứu văn hóa khu vực”... Tuy nhiên, ông cũng không cho rằng điều này là “khiếm khuyết, mà hơn thế có thể coi đó là một tư chất phát huy được khả năng và tính mềm dẻo vốn có của đối tượng nghiên cứu là “văn hóa” và “khu vực”. Nghiên cứu văn hóa khu vực là một lĩnh vực nghiên cứu mang tính phức tạp, được hình thành dựa trên

sự gắn kết hữu cơ giữa các nhà nghiên cứu về mọi lĩnh vực như địa lý, lịch sử, nhân học, ngôn ngữ, tư tưởng, chính trị, xã hội...

1.2 Mặc dù vậy, các nhà nghiên cứu đều thống nhất, cần phải có phương pháp trong mọi hoạt động, kể cả nghiên cứu. Phương pháp chính là con đường dựa vào quy luật khách quan đưa đến mục đích trong hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn. Trong nghiên cứu học thuật, phương pháp chính là con đường dẫn đến kiến thức. Phương pháp có quan hệ mật thiết với quan điểm nghiên cứu và kiến thức.

Còn phương pháp luận là hệ thống các phương pháp thích hợp với đối tượng nghiên cứu trong từng lĩnh vực khoa học. Phương pháp luận có thể triển khai thành những cấp độ như: Cấp độ triết học, cấp độ của những khoa học chung và cấp độ chuyên ngành.

1.3 Đối tượng nghiên cứu trong bài viết này là văn hóa Trung Quốc. Trước hết văn hóa Trung Quốc chỉ là một bộ

phận của ngành Trung Quốc học. Điều này có liên quan tới “Khu vực học” - khoa học nghiên cứu về không gian địa lý và không gian văn hóa; mà chủ thể của những không gian này là con người và văn hóa con người. Và phương pháp nghiên cứu khu vực học có hiệu quả, chủ yếu là phương pháp liên ngành.

Tiến thêm một bước nữa, xét về đối tượng nghiên cứu ở đây là “văn hóa Trung Quốc”. Vì vậy cần làm rõ cả hai yếu tố đó là “văn hóa” và “Trung Quốc”. Chỉ nói riêng khái niệm văn hóa đã rất phức tạp. Cho tới nay có tới hơn 300 định nghĩa về văn hóa. Điều này chứng tỏ sự phong phú và phức tạp của đối tượng; mặt khác còn do mỗi nhà khoa học đứng từ những góc độ khác nhau để đưa ra định nghĩa về văn hóa. Có thể đưa ra đây một trong các khái niệm tương đối tiêu biểu: Văn hóa là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần, do con người tác động vào tự nhiên và xã hội sáng tạo ra trong quá trình lịch sử dài lâu. Văn hóa thể hiện diện mạo của cộng đồng.

Sau đó là “đất nước con người Trung Hoa”, cũng là một đối tượng khó xác định. Đó là một trong năm nội văn minh của nhân loại. Một đất nước có số dân luôn đứng đầu thế giới này, mở đường tiến lên văn minh bằng những minh triết và cả những năm tháng lịch sử chiến tranh đẫm máu, lẫn sự tự điều chỉnh nhằm tìm ra con đường đi riêng cho mình, cho tới nay vẫn vậy. Con người Trung Hoa hội tụ đủ những mâu thuẫn, vừa minh triết lại vừa ngu tối, vừa mạnh mẽ lại vừa mềm yếu, vừa anh

hùng lại vừa tiểu nhân... như nhà thơ Lưu Quang Vũ đã khái quát vừa sắc nét vừa độc đáo về hình tượng con người Trung Hoa:

“...đi trong tuyết

Rũ rượi tóc râu, đao thương sáng quắc
Não bạt thanh la xúng xoảng

Dữ tợn mà sâu thương...”

“Những đoàn người đi như nước,
đồng như cỏ

Sáng suốt mà tối tăm

Uyên thâm mà nhẹ dạ...”

Hay như một nhà nghiên cứu Trung Quốc học người Pháp đã nhận xét: “La tête Chinois” tức là cái đầu (rắc rối) Trung Quốc... Vì vậy, cái gọi là văn hóa Trung Quốc cũng vô cùng phong phú và phức tạp, thậm chí có cả những yếu tố thần bí, khiến người nghiên cứu khó nắm bắt được đầy đủ. Đương nhiên phương pháp hữu hiệu nghiên cứu văn hóa Trung Quốc cũng là phương pháp liên ngành.

2. Phương pháp luận nghiên cứu văn hóa Trung Quốc

2.1 Để có thể tìm ra phương pháp luận nghiên cứu văn hóa Trung Quốc và nhận diện được đặc điểm của nền văn hóa Trung Quốc, trước hết cần đưa ra những quan điểm khái quát về nền văn hóa Trung Quốc:

a. Nền văn hóa Trung Quốc là nền văn hóa của nhân dân Trung Quốc, do nhân dân các dân tộc Trung Quốc sáng tạo ra, cho nên nó vừa phong phú vừa đa dạng, là nền văn hóa thống nhất trong đa sắc tộc, đa sắc thái.

b. Nền văn hóa Trung Quốc là nền văn hóa lâu đời có nhiều tinh hoa văn hóa, giá trị văn hóa độc đáo, đóng góp to lớn cho kho tàng văn hóa nhân loại.

c. Nền văn hóa Trung Quốc là nền văn hóa mở, giao lưu tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa của các dân tộc khác để làm phong phú văn hóa của dân tộc Trung Hoa; đồng thời văn hóa Trung Hoa cũng có ảnh hưởng hết sức to lớn trong khu vực Đông Á và thế giới, trong đó có Việt Nam.

Như vậy với ba nhận định trên vừa giúp cho việc định hình diện mạo văn hóa Trung Quốc vừa thể hiện phương pháp luận tiếp cận nền văn hóa này. Từ góc độ không gian, khảo sát về chủ thể của nền văn hóa Trung Quốc (các dân tộc Trung Quốc) làm nên tính “thống nhất và đa dạng của văn hóa Trung Quốc”. Sau đó về mặt thời gian, là phải dò tìm cho tới ngọn nguồn của nền văn hóa này, lý giải sự sinh thành của nó, dõi theo diễn trình tiến hóa, kế thừa và phát triển của nó để khái quát ra những đặc trưng. Bên cạnh đó, không thể không xét cấu trúc nội tại tạo nên nội lực của nền văn hóa Trung Hoa và quan hệ giao lưu tiếp biến văn hóa với các cộng đồng khác trong khu vực và thế giới. Trong quá trình rút ra những đặc trưng, chúng ta không thể không dùng phương pháp liên ngành và chuyên ngành, trong đó có phương pháp so sánh văn hóa, để tìm ra nét khu biệt của văn hóa Trung Hoa so với các cộng đồng khác, tìm ra bản sắc dân tộc Trung Hoa trong tính nhân loại.

Như trên đã trình bày, nghiên cứu “Trung Quốc” trước hết được quyết định bởi sự quan tâm đến đối tượng của từng nhà nghiên cứu. Ở đây chúng tôi đưa ra những suy nghĩ về phương pháp luận nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, từ bốn vấn đề cần quan tâm như sau.

2.2 Phương pháp liên ngành và chuyên ngành

a. Khi nghiên cứu về đối tượng là văn hóa Trung Quốc, cần có cái nhìn đối tượng một cách toàn diện. Đó là tầm nhìn tổng thể từ địa lý, nhân chủng, ngôn ngữ cho đến lịch sử, kinh tế, chính trị... Chính điều này đòi hỏi cần có phương pháp liên ngành trong nghiên cứu văn hóa Trung Quốc. Bởi lẽ khi nghiên cứu về quốc gia hay nền văn hóa của một quốc gia dân tộc, cần nhận thức cách tiếp cận mang tính tổng thể và toàn diện là hết sức quan trọng.

Nói như vậy không có nghĩa là loại bỏ những phương pháp nghiên cứu chuyên ngành thường sử dụng như: Điền dã thực địa, phương pháp hệ thống, phương pháp định lượng, định tính, so sánh... Vấn đề là bên cạnh các phương pháp chuyên ngành thường sử dụng, thì phương pháp liên ngành, đa ngành là đặc biệt có hiệu quả trong việc nghiên cứu khu vực nói chung và văn hóa nói riêng.

b. Liên ngành một loại hình hợp tác học thuật trong đó các nhà chuyên môn sử dụng từ hai hay nhiều chuyên ngành khác nhau, cùng làm việc với nhau để cùng đạt đến những mục tiêu chung

trong nhận thức và khám phá đối tượng nghiên cứu.

Để có những hiểu biết toàn diện và sâu sắc về văn hóa Trung Quốc, so với các phương pháp chuyên ngành, phương pháp liên ngành có những ưu việt hơn hẳn. Trước hết, nó có thể tích hợp những kết quả của nghiên cứu chuyên ngành như địa lý, nhân chủng, lịch sử... đưa đến cái nhìn tổng thể về một quốc gia hay một nền văn hóa; sau đó có thể tận dụng những khía cạnh tri thức có được từ kết quả nghiên cứu của các chuyên ngành khác; ngoài ra phương pháp liên ngành còn có thể kích thích các phương pháp chuyên ngành vượt qua những giới hạn cục bộ của ngành mình.

Chẳng hạn việc xác định cội nguồn văn hóa Trung Quốc được rõ ràng và hợp lý hơn thì phương pháp liên ngành là thích hợp. Về cội nguồn văn hóa Trung Quốc vốn có những ý kiến tranh luận chưa thống nhất: có ý kiến cho rằng cội nguồn của văn hóa Trung Quốc là văn hóa gốc du mục; ý kiến khác lại cho rằng cội nguồn của văn hóa Trung Quốc là gốc nông nghiệp. Chỉ riêng hai nhận định này đã dẫn đến những quyết định luận có phần khiên cưỡng và áp đặt. Nếu coi văn hóa Trung Quốc thuộc loại hình văn hóa gốc du mục, với tính chất đặc trưng là trọng võ, thích động, đề cao cá nhân và ưa xâm đoạt. Còn nếu coi văn hóa Trung Quốc là nền văn hóa gốc nông nghiệp, với đặc trưng là trọng văn, trọng tĩnh, đề cao cộng đồng, và thuận theo tự nhiên, thì cả hai nhận định trên đều

chưa phù hợp với cả lý luận và thực tiễn của văn hóa Trung Quốc.

Thực ra nền văn hóa Trung Quốc là sản phẩm tổng hợp của hai loại hình văn hóa: Phương Bắc và phương Nam. Không phải ngẫu nhiên, trong tác phẩm “*Tô tem sói*”, một tác phẩm từng gây tranh cãi trên văn đàn Trung Quốc hiện đại, của nhà văn Khương Nhung, tác giả đã dùng hình tượng khái quát ra hai loại người Trung Quốc, mang hai loại hình văn hóa là “văn hóa sói tính” (văn hóa gốc du mục) và “văn hóa cừu tính” (văn hóa gốc nông nghiệp). Chính điều này đã tạo nên những đặc điểm tương như đối lập trong văn hóa Trung Quốc.

+ Đặc trưng của tính du mục phương Bắc là:

- Tính “quốc tế” là một trong những đặc tính khác biệt của văn hóa gốc du mục so với văn hóa gốc nông nghiệp. Tính quốc tế trong Nho giáo thể hiện ở mục tiêu cao nhất của người quân tử là “bình thiên hạ”. Bản thân Khổng Tử đã nhiều lần rời bỏ quê hương, để đi tìm minh chủ.

- Tính “phi dân chủ” và hệ quả của nó là tư tưởng “bá quyền”, coi khinh các dân tộc khác, coi mình là trung tâm (Trung Quốc-nước ở giữa) còn “tứ di” xung quanh đều là “nhược tiểu” và “mọi rợ”. Tính phi dân chủ còn được thể hiện ở chỗ coi thường người dân, đặc biệt là phụ nữ.

- Coi “trọng sức mạnh” được thể hiện ở chữ “Dũng”, một trong ba đức mà người

quân tử phải có (Nhân – Trí - Dũng), thể hiện ở việc đề cao sức mạnh.

- Tính “nguyên tắc” được thể hiện ở học thuyết “chính danh”. Tất cả phải có tôn ti, trật tự. Tất cả phải làm theo đúng bổn phận của mình.

+ Đặc trưng của tính nông nghiệp phương Nam

- Tính “hài hòa” là một đặc tính của văn hóa nông nghiệp, trái ngược với việc coi trọng sức mạnh của văn hóa du mục. Biểu hiện cho tính hài hòa là việc đề cao chữ “Nhân” và nguyên lí “Nhân trị”.

- Tính “dân chủ” là đặc tính khác biệt với “phi dân chủ” của văn hóa du mục. Tính dân chủ được thể hiện ở cách cư xử “trung dung” trong “ngũ luân”. Trong các quan hệ đó, đều thể hiện tính hai chiều và bình đẳng, kiểu như vua sáng, tôi trung; cha hiền, con hiếu; anh tốt, em nhường; bạn bè tin cậy.

- Tính coi trọng văn hóa tinh thần như thi, thư, lễ, nhạc, thể hiện rõ trong Kinh Thi. Bên cạnh đó là tính “trọng văn” cũng ngược lại với tính “trọng võ” của văn hóa du mục.

+ Cội nguồn của văn hóa Trung Quốc là sự hỗn dung giữa văn hóa gốc du mục và văn hóa gốc nông nghiệp

- Việc đồng thời dựa vào hai loại hình văn hóa đối lập nhau, là văn hóa gốc du mục và văn hóa gốc nông nghiệp, trong một hoàn cảnh xã hội đầy biến động dữ dội như thời Xuân Thu là một quá trình lựa chọn tất yếu của văn hóa Trung Quốc. Điều này làm cho làm cho Nho

giáo nguyên thủy của Khổng Tử chứa đầy mâu thuẫn.

- Mâu thuẫn đầu tiên là mâu thuẫn về quan điểm thái độ đối với người dân. Văn hóa du mục trọng sức mạnh, trọng người quân tử, lấy người quân tử để đối lập với kẻ tiểu nhân, người dân thường. Trong khi văn hóa nông nghiệp lại coi trọng dân, lấy dân làm chủ, “*dân là chủ của thân*”.

- Thêm nữa là mâu thuẫn giữa “lễ trị” (pháp trị) của văn hóa du mục với “nhân trị” của văn hóa nông nghiệp. Khổng Tử nói nhiều đến “lễ trị”. Nhưng ông cũng chuyển dần từ “lễ” sang “nhân”, nhập “nhân” vào với “lễ” và còn đi xa hơn, coi “nhân” làm gốc của “lễ nhạc”.

Trong thực tiễn các bậc đế vương phương Bắc với truyền thống “trọng võ”, quen “pháp trị” và chuyên chế bằng vũ lực, thì Khổng Tử lại nêu cao “trọng văn”, dùng “nhân trị”, thu phục bằng “nhân tâm”, cho nên ông không được vị vua nào dùng. Sau khi Khổng Tử chết, năm 246 TCN, vua Tần Doanh Chính dùng vũ lực thống nhất thiên hạ xưng là Tần Thủy Hoàng đế, áp dụng chính sách cai trị bằng pháp luật, độc đoán hoàn toàn trái ngược với các chủ trương của Nho giáo, tiêu biểu là hành động “đốt sách, chôn nho” nổi tiếng trong lịch sử.

Sau khi nhà Tần sụp đổ, Lưu Bang đã rút ra được một số kinh nghiệm của nhà Tần, bớt đi phần hà khắc và biết trưng dụng trí thức. Đến Hán Vũ Đế, theo lời khuyên của Đổng Trọng Thư, Nho giáo mới được đưa lên địa vị quốc giáo. Từ

đây Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống, bảo vệ chế độ phong kiến Trung Quốc suốt hai ngàn năm. Không những thế, nó còn được truyền bá khắp Đông Á. Khổng Tử được tôn lên bậc thánh, trên thế giới tên tuổi của ông ai cũng biết.

Tuy nhiên sự thành công đó không phải là điều mà Khổng Tử trông đợi. Bởi vì hầu hết các đặc điểm nông nghiệp đậm chất nhân văn trong Nho giáo nguyên thủy của ông đã bị loại bỏ và bị thay thế bằng các đặc điểm du mục. Vẫn là cái tên Nho giáo nhưng nội dung lại khác hẳn và đã được đề cao.

Rõ ràng việc lựa chọn giá trị văn minh nông nghiệp mang tính nhân bản, Nho giáo của Khổng Tử chỉ thích hợp trong phạm vi làng xã. Còn mở rộng trong phạm vi quốc gia, cần phải có một triết lí với tính pháp luật cao hơn. Vì vậy để cai trị quốc gia trong lịch sử, các nhà vua Trung Quốc thường thi hành chính sách “ngoài Nho trong Pháp”.

Như vậy để có được một khái quát về cội nguồn văn hóa Trung Quốc, người nghiên cứu cần có cả những kiến thức về lịch sử, triết học, chính trị học, đạo đức học, phong tục tập quán..., kể cả những hiểu biết về thực tế Trung Quốc của phương pháp liên ngành. Song chính điều này đòi hỏi người nghiên cứu cần có thêm những “điều kiện cần”, để có thể vận dụng tốt phương pháp luận nghiên cứu Trung Quốc. Đó là ngoại ngữ tiếng Trung và điển dã thực tế ở Trung Quốc. Hai yếu tố này vừa là tiền đề lại vừa là

hệ quả của phương pháp nghiên cứu văn hóa. Mặt khác hai yếu tố này cũng có phương pháp chuyên của ngành.

c. Năng lực sử dụng thành thạo ngôn ngữ Trung Quốc là một điều kiện không thể thiếu để có thể nắm bắt những kho tư liệu đồ sộ và phong phú về các mặt tư tưởng triết học, tôn giáo, địa lý, lịch sử, văn hóa..., lẫn hiện thực cuộc sống tươi rói sôi động và đầy biến đổi, thậm chí đến mãnh liệt, đang diễn ra từ trong quá khứ đến hiện tại, trên đất nước Trung Quốc, mới có thể khái quát được những nét đặc thù của diện mạo, cũng như quy luật vận hành của văn hóa Trung Quốc.

Nắm vững loại hình ngôn ngữ Hán để sử dụng thành thạo là điều không đơn giản. Tuy nhiên từ ngôn ngữ Hán, phải nắm vững tư duy vốn rắc rối của người Trung Hoa, thường định hình ở các mã văn hóa thần bí lại càng không đơn giản. Ngay cả Hêghen, nhà nghiên cứu triết học lỗi lạc người Đức, do chưa hiểu hết mã văn hóa Trung Quốc, cho nên khi đọc đến Kinh Dịch, ông ta chỉ coi đó là quyển sách bói toán đơn thuần; mà đâu biết rằng với người Trung Quốc quyển sách này là triết học, tư tưởng, nhận thức luận, và cả dự báo học..., được người Trung Quốc đánh giá rất cao: đứng đầu các loại kinh (Dịch quần kinh chi thủ). Hiện nay ở Trung Quốc vẫn có rất nhiều trung tâm nghiên cứu ứng dụng Kinh Dịch và cuộc sống.

d. Một yếu tố quan trọng nữa là người nghiên cứu cần có những trải nghiệm bản thân trên đất nước Trung Quốc,

thông qua việc khảo sát điền dã hay học tập, tham quan nghiên cứu.

Phương pháp điền dã thực địa là phương pháp sưu tập tư liệu, có tính trực quan, trực tiếp, trên cơ sở những thao tác khoa học có tính mục đích. Điều quan trọng là phải có sự chuẩn bị tốt về ngôn ngữ của các dân tộc trong khu vực định khảo sát.

Cho dù có đọc nhiều sách vở về văn hóa Trung Quốc, thì vẫn là những tưởng tượng có tính lý thuyết của người nghiên cứu về văn hóa Trung Quốc. Nói như Gô - nhà thơ nổi tiếng người Đức: “Mọi lý thuyết đều òu xám, chỉ cây đời là mãi mãi xanh tươi”. Cái gọi là “cây đời mãi xanh tươi” chính là hiện thực cuộc sống nóng hổi, tươi rùng, những kinh nghiệm sống được tích lũy, những phong tục văn hóa đa dạng và phức tạp... chỉ có thể mất thấy tai nghe mới đem lại cảm nhận thực của người nghiên cứu. Sự cảm nhận này chỉ có thể diễn ra đối với từng chủ thể văn hóa, thông qua các cuộc khảo sát điền dã và không di truyền được. Kinh nghiệm nghiên cứu văn hóa cho thấy, người nghiên cứu dễ thấy sự khác biệt văn hóa của cộng đồng khác, mà chỉ thấy sự tương đồng trong văn hóa cộng đồng mình sống.

Nếu không sống ở mùa đông miền núi Trung Quốc, cũng khó cảm nhận được cái lạnh buốt đến trắng xóa trong bài thơ *Giang Tuyết* của Liễu Tông Nguyên. Không đặt chân tới sa mạc phía Tây Bắc Trung Quốc, làm sao hiểu nổi cảnh vật

“Sa mạc rộng, khói bay lên thẳng, Dòng sông dài, mặt trời soi bóng tròn xoe” (Đại mạc cô yên trực, Trường hà lạc nhật viên) trong thơ Vương Duy. Không nghe âm vang “tiếng chày đập vải” trong đêm khi gió thu thổi về, thì cũng không cảm hết được mối sầu muôn thuở của người chinh phụ trong các trang thơ Đường. Vào mùa đông, đến một gia đình thôn dã phía Tây Trung Quốc, chủ nhà ân cần mời khách một bát cháo nóng và mấy lát gừng thay vì cho nước chè. Khách vừa húp cháo nóng, vừa thấy mùi cay thơm của gừng lan tỏa, mới cảm nhận được tình cảm thân mật ấm áp của chủ nhà và sự lưu giữ “văn hóa thực vật” ở đây lâu đời như thế nào...

Giờ đây kỹ thuật truyền thông hiện đại có thể đem lại nhiều cảm nhận cho người xem. Nhưng cho dù có kỹ thuật truyền thông, cũng không thể thay thế cảm nhận chân thực từ các giác quan đối với cuộc sống của người nghiên cứu.

2.3. Tiếp đến là phương pháp lịch đại, tức là khảo sát theo trục thời gian

a. Khi nghiên cứu về văn hóa, đừng đơn giản coi nó là một thực thể bất biến, mặc dù trong văn hóa có bộ phận gần như bất biến, đó là “hàng số văn hóa”. Tuy nhiên, cần thấy văn hóa luôn vận động, hết sức phức tạp với quan hệ nhiều chiều nhiều lớp. Vì vậy tìm hiểu bản chất một nền văn hóa, không chỉ tìm hiểu từ cội nguồn, mà phải dõi theo tiến trình diễn hóa của nó trong lịch sử, tức là phải khảo sát theo trục thời gian.

Mặt khác, giá trị văn hóa là những kinh nghiệm được chưng cất, kiểm nghiệm, sàng lọc và được bảo lưu qua nhiều thời đại, nhưng ngay cả hệ thống các giá trị văn hóa của một cộng đồng cũng luôn biến đổi mang tính lịch sử.

b. Trong diễn trình văn hoá, Trung Quốc có ba lần phục hưng văn hoá và ba lần xung đột văn hoá, làm cho văn hoá Trung Quốc vừa định hình, vừa biến đổi sâu sắc trong trường kỳ lịch sử.

* Lần phục hưng thứ nhất vào thời Xuân Thu, đặc trưng là “sĩ văn hoá” (văn hoá của kẻ sĩ), thay thế cho “đế văn hoá” (văn hoá của đế vương). “Sĩ văn hoá” có sức sống mạnh mẽ bùng bột, trực tiếp tạo ra sự phồn vinh chưa từng có của văn hoá tư tưởng thời Xuân Thu-Chiến Quốc với một loạt các vĩ nhân văn hoá như: Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Tuân Tử... Lần phục hưng thứ hai vào những năm đầu đời Đường. Văn hoá giai đoạn này có đặc trưng là “văn hoá thế tục”. Nếu như “sĩ văn hoá” chủ yếu quan tâm đến tư tưởng “Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, thì “văn hoá thế tục” hay “văn hoá thị dân” từ đời Đường về sau lại quan tâm đến xã hội, nhân tình thế thái, đến khát vọng tự do dân chủ của con người. Văn hoá thế tục kể từ Hán đến Đường về sau là kết quả của sự phát triển thương nghiệp và văn minh đô thị ở Trung Quốc. Lần thứ ba phục hưng văn hoá vào lúc Thanh mạt-Dân sơ, từ năm 1915 kéo dài khoảng 100 năm, cho tới nay chưa kết thúc. Đặc trưng của

nó chưa thể xác định rõ ràng vì nó chưa hoàn thành. Nhưng khuynh hướng của nó thì có thể thấy được. Lần phục hưng thứ ba này, đã để lại ấn tượng mãnh liệt trong lòng mọi người, đó là tinh thần phản truyền thống, phản cổ điển, giống như đi theo con đường phục hưng của phương Tây mà lại hoàn toàn không phải. Mặt khác Trung Quốc trong 100 năm trở lại đây, trước sau vẫn đang trong sự lựa chọn và điều chỉnh, vấn đề mấu chốt của sự lựa chọn và điều chỉnh là việc xử lý quan hệ giữa văn hoá bản địa và văn hoá ngoại lai, tiếp thu văn hoá phương Tây mà vẫn giữ bản sắc văn hoá dân tộc Trung Hoa. Về phương diện này, tình điệu lần phục hưng thứ ba đang diễn ra ngày càng nồng hậu và mạnh mẽ.

* Ba lần “xung đột” lớn về văn hoá với các dân tộc khác, cũng đem lại nhiều sắc màu mới cho văn hoá Trung Quốc. Có điều rằng, những người áp đặt văn hoá ở đây chính là ngoại tộc, còn người bị cưỡng bức văn hoá lại là người Trung Quốc. Tuy nhiên vấn đề giao lưu và tiếp biến văn hoá lại được coi là một nguyên nhân quan trọng của sự phát triển văn hoá của một dân tộc. Lần thứ nhất là sự kiện “Ngũ Hồ loạn Hoa”. Trung Quốc rơi vào tình trạng thiên hạ đại loạn từ thời Tam Quốc, Ngụy-Tấn đến Nam Bắc triều phân trị, các nước Hồ thừa cơ xâm nhập, gây rối loạn cho Trung Quốc. Đây là thời kỳ văn hoá Trung Hoa hấp thu nhiều yếu tố của văn hoá các dân tộc

thiểu số, đặc biệt là văn hoá Hồ. Lần thứ hai là sự kiện Mông Cổ xâm nhập vào cuối đời Tống. Nếu như lần thứ nhất có văn hoá Nho gia làm chủ thể-chính thống, thì lần thứ hai này chủ thể văn hoá cũng như tinh thần dân tộc Trung Hoa đều bị suy giảm. Vì vậy giai đoạn này, văn hoá dân gian với sức sống bền bỉ đã có cơ hội phát triển mạnh mẽ đạt tới đỉnh cao rực rỡ. Tiêu biểu là sự phồn vinh của tạp kịch và tản khúc, những thể loại gần gũi với hình thức diễn xướng dân gian. Lần thứ ba là sự đụng độ của văn hoá Trung Hoa và văn hoá phương Tây vào cuối đời Thanh, cho tới nay vẫn chưa kết thúc. Bên cạnh những lần đụng độ văn hoá này, văn hoá Trung Hoa còn giao lưu và tiếp biến văn hoá với nhiều nền văn hoá khác trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, kể cả với Nam Á và châu Âu, châu Phi.

c. Như vậy, nền văn hoá Trung Hoa phát triển hoàn toàn không tách biệt với thế giới. Nó biết giao lưu và tiếp nhận, hấp thụ và dung hoà những tinh hoa văn hoá thế giới để làm phong phú hơn, giàu có hơn cho nền văn hoá nước mình. Vấn đề là vì sao sau nhiều lần “đụng độ” văn hoá, kể cả đối với các dân tộc có trình độ văn minh thấp hơn người Hán (các dân tộc thiểu số) và cả những dân tộc có trình độ văn minh cao hơn người Hán (các nước phương Tây), văn hoá Trung Hoa không những không bị đồng hoá, mà vẫn phát triển được? Có lẽ để trả lời câu hỏi này cần có thời gian và

phải nghiên cứu toàn diện, nhưng chắc chắn phải xuất phát từ cội nguồn của truyền thống văn hoá Trung Hoa để tìm ra câu trả lời. Tuy nhiên, người ta có thể tìm thấy câu trả lời từ “tính toàn vẹn”, “tính thống nhất”, “tính bảo thủ” và cả “tính dung hợp hài hoà” trong bản sắc văn hoá Trung Hoa, đã làm cho nền văn hoá Trung Hoa vừa kiên cố lại vừa mềm dẻo, như đạo âm dương của Kinh Dịch. Cho nên trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hoá, mọi sự áp đặt văn hoá với Trung Quốc đều bị “Trung Quốc hoá”; nói gì tới việc Trung Quốc áp đặt văn hoá với các dân tộc nhược tiểu khác, thì vấn đề “Trung Quốc hoá” càng dễ xảy ra. Tất nhiên dễ xảy ra, chứ chưa chắc đã đồng hoá được các dân tộc khác, chẳng hạn như Việt Nam.

d. Thêm nữa, tìm hiểu nét văn hóa đặc sắc trong một giai đoạn nào đó của một nền văn hóa dân tộc, cho dù là giai đoạn cực thịnh cũng vẫn có thể chưa đủ khái quát, để có thể đưa ra những ý kiến thuyết phục. Bởi lẽ văn hóa là truyền thống. Vì vậy cần xử lý mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại như là một quy luật, đồng thời cũng có ý nghĩa phương pháp luận đối với người nghiên cứu văn hóa. Chẳng hạn nếu như không nắm được khái niệm “Hòa” (hòa nhi bất đồng) trong tư tưởng Khổng Tử truyền thống, chắc cũng chưa thể lý giải hết tư tưởng “xã hội chủ nghĩa hài hòa” của Hồ Cẩm Đào, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc.

2.3 Ba là nghiên cứu so sánh

Phương pháp so sánh là phương pháp hết sức có hiệu quả trong nghiên cứu văn hóa. Nó có thể xác định rõ đặc trưng của nền văn hóa này với nền văn hóa khác, cộng đồng này với cộng đồng khác trên cơ sở so sánh những tương đồng và dị biệt, giữa quá khứ và hiện tại, giữa tính chung và tính riêng của địa hình, lịch sử, dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ...

Sở dĩ phương pháp so sánh được coi trọng khi nghiên cứu văn hóa, bởi lẽ văn hóa có tính chung, tính nhân loại, tính khu vực và một bên là tính riêng tính dân tộc. Văn hóa là con người, cho nên nó mang tính nhân loại, tính quốc tế. Mặt khác, văn hóa là bản sắc lại mang tính dân tộc, cho nên văn hóa có tính riêng, thể hiện bản sắc văn hóa. Ở đây phương pháp so sánh sẽ rất hiệu quả khi tìm ra những nét riêng, những cái mà người ta gọi là bản sắc văn hóa trong tính chung của văn hóa nhân loại, những đặc thù của nền văn hóa này trong sự tương đồng với văn hóa khu vực.

Chặng hạn văn hóa đương đại Trung Quốc đã có những biến chuyển rõ rệt về chất, nếu đem so sánh từng chặng phát triển của nó.

Chỉ riêng về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị đã có sự thay đổi đột biến. Nếu theo quan niệm cũ của Mao Trạch Đông ở Diên An năm 1942, thì “Văn nghệ tòng thuộc chính trị”. Thật ra quan niệm này có từ thời phong kiến là “Văn dĩ tải Đạo”. Ở đây chính trị được coi là tiêu chuẩn thứ nhất của văn học.

Phải đến 1978, năm cải cách mở cửa của Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đề nghị bỏ khẩu hiệu “đấu tranh giai cấp” và “văn nghệ tòng thuộc chính trị”, và thay vào đó là “văn nghệ phục vụ nhân dân”, “phục vụ chủ nghĩa xã hội”, với phương châm “song bách” và “tam bất”. Đó là “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” và ba không: Không chụp mũ, không giật tóc và không đánh gậy đối với người làm công tác văn hóa nghệ thuật. Tất nhiên, dù có bỏ đi mục tiêu “văn nghệ phục vụ chính trị”, song nó cũng vẫn phục vụ chính trị. Bởi lẽ nói như nhà văn lão thành Ba Kim, người từng trải nghiệm trong Cách mạng Văn hóa, những kẻ nhờ Cách mạng Văn hóa mà kiếm chác được vẫn còn cả! cần cảnh giác! Mặc dù vậy, văn hóa văn nghệ của Trung Quốc sau cải cách mở cửa như được thức tỉnh nội lực, cùng với việc tiếp nhận những giá trị văn hóa phương Tây đã bùng bật phát triển đúng như trăm hoa đua nở.

2.4 Nghiên cứu Trung Quốc như một bộ phận của nghiên cứu Khu vực học

Khu vực học là khoa học liên ngành nghiên cứu về không gian địa lý và không gian văn hóa, trong đó các cộng đồng tương tác qua quá trình lịch sử dài lâu vì nhu cầu sống và phát triển, tạo nên những giá trị văn hóa có thể phân biệt với những khu vực khác. Khu vực học còn nghiên cứu quan hệ bên trong giữa các cộng đồng và quan hệ bên ngoài với các cộng đồng ngoài khu vực.

Muốn hiểu văn hóa Trung Quốc, nếu chỉ tập trung vào mô tả cấu trúc văn hóa hoặc tiến trình lịch sử văn hóa cũng vẫn chưa đủ. Bởi lẽ còn cần những góc nhìn khác từ mối quan hệ của Trung Quốc với cộng đồng quốc tế và ngược lại, sự đánh giá của cộng đồng quốc tế đối với văn hóa Trung Quốc là một kênh quan trọng và khách quan để thẩm định những đặc trưng và giá trị văn hóa Trung Quốc.

Chẳng hạn, nghiên cứu văn hóa Trung Quốc không thể không xem xét quan hệ của Trung Quốc với các nước lớn như Mỹ, Nga, EU, Nhật Bản, Ấn Độ; rồi xem quan hệ của Trung Quốc với khối ASEAN... cùng những đánh giá của cộng đồng quốc tế với văn hóa Trung Quốc. Chẳng hạn, vì sao sự trỗi dậy mạnh mẽ của nước Trung Quốc lại không đem lại vui mừng cho cộng đồng quốc tế, thay vào đó là sự lo ngại và không yên tâm? Vì sao bước vào năm 2012 Mỹ lại chuyển hoạt động từ Tây Á sang Đông Á? Hoặc là, mặc dù đã chủ động sử dụng sức mạnh mềm văn hóa trong việc xây dựng hình ảnh đất nước con người Trung Quốc trên thế giới, nhưng với những động thái làm nóng biển Đông năm 2011, Trung Quốc đã khiến các nước Đông Nam Á muốn ngả về phía Mỹ nhiều hơn... Trả lời một số vấn đề này cũng có thể làm rõ hơn bản chất văn hóa Trung Quốc.

Tóm lại, phương pháp luận nghiên cứu văn hóa Trung Quốc là xem xét đối tượng một cách toàn diện từ các chuyên ngành phức hợp thành liên ngành, đồng

thời sử dụng thành thạo ngôn ngữ Trung Quốc cũng như cảm nhận của điền dã, để làm sâu sắc thêm những lý giải với điểm nhìn so sánh nhờ đó có thể tiếp nhận đầy đủ các suy nghĩ mang tính lịch sử. Và nghiên cứu những quan hệ bao hàm những mối quan hệ của các cộng đồng với Trung Quốc và ngược lại.

TU LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Trần Lê Bảo, *Giáo trình văn học Châu Á 1* NXB GD 2001.
2. Trần Lê Bảo, *Nhập môn khu vực học và Việt Nam học*, Nxb Giáo dục 2008
3. Trần Lê Bảo, *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011
4. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hội thảo khoa học *Khu vực học: cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp giảng dạy*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2006
5. Đàm Gia Kiện: *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, Nxb KHXH, 1993
6. Phêdêricô Mayo. *Một thế giới mới*. UBQG UNESCO Việt Nam 1999.
7. Nhiều tác giả. *Lịch sử văn hóa Trung Quốc (Ba trăm đề mục)*, NXB Cổ tịch Thượng Hải, Nxb VHTTTHN 1999.
8. Lương Duy Thư (chu biên): *Lịch sử văn hóa phương Đông*, NXBGD 1996.
9. *Toàn cầu hóa văn hóa*. Tư liệu chuyên đề. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh 2000.